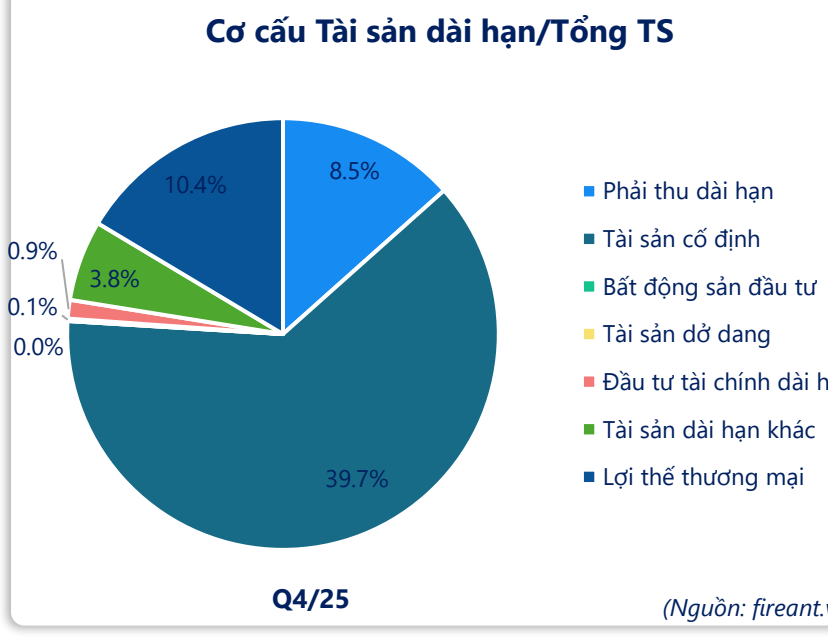
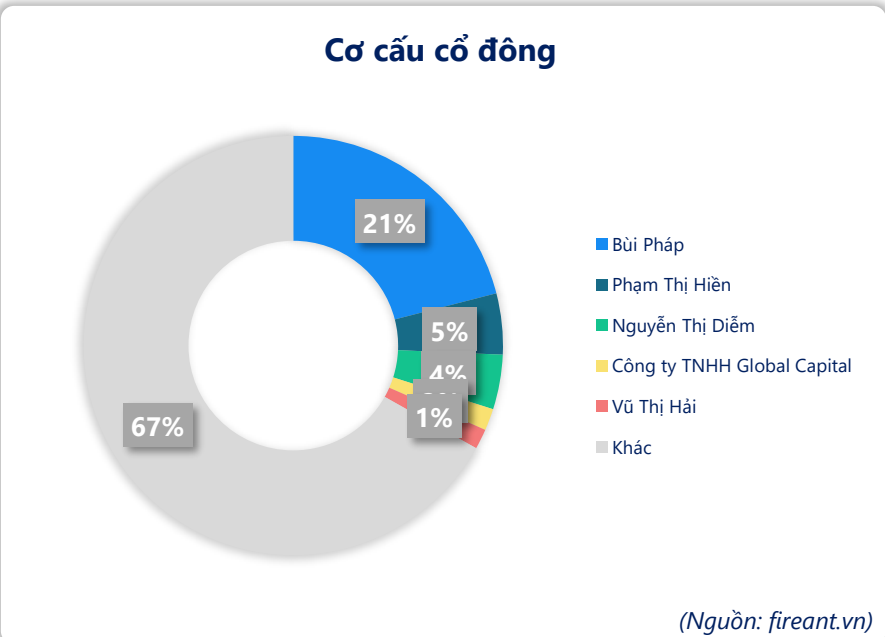
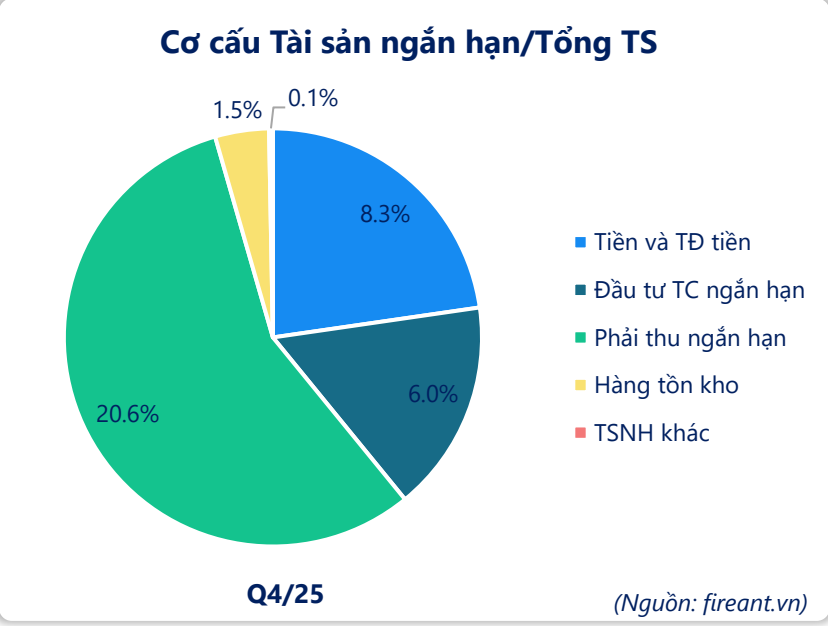
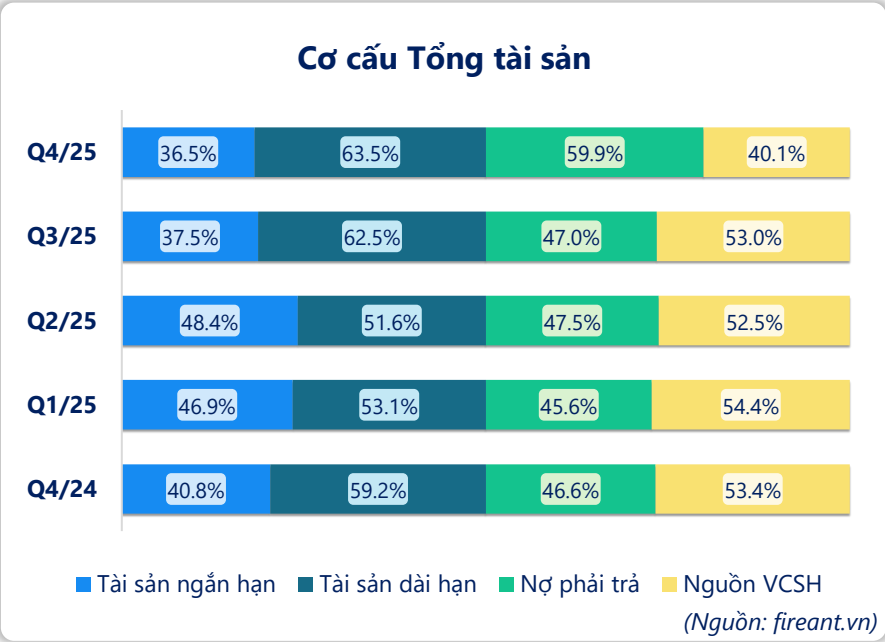
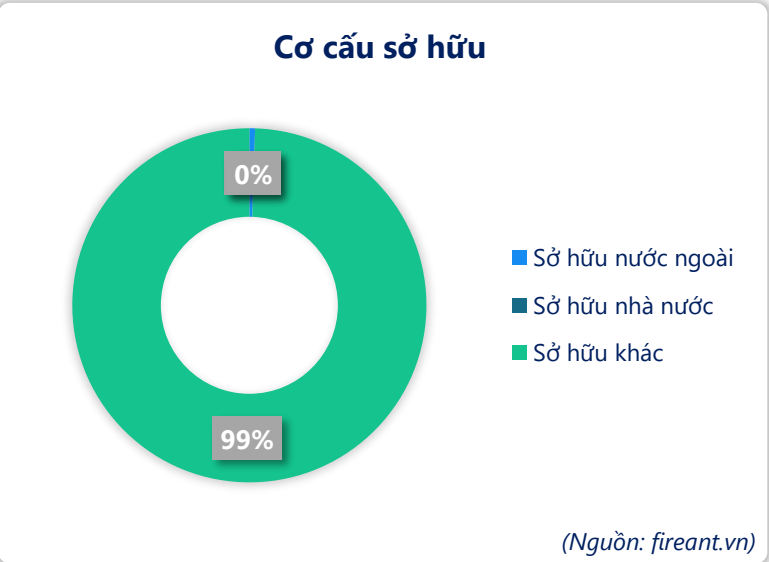
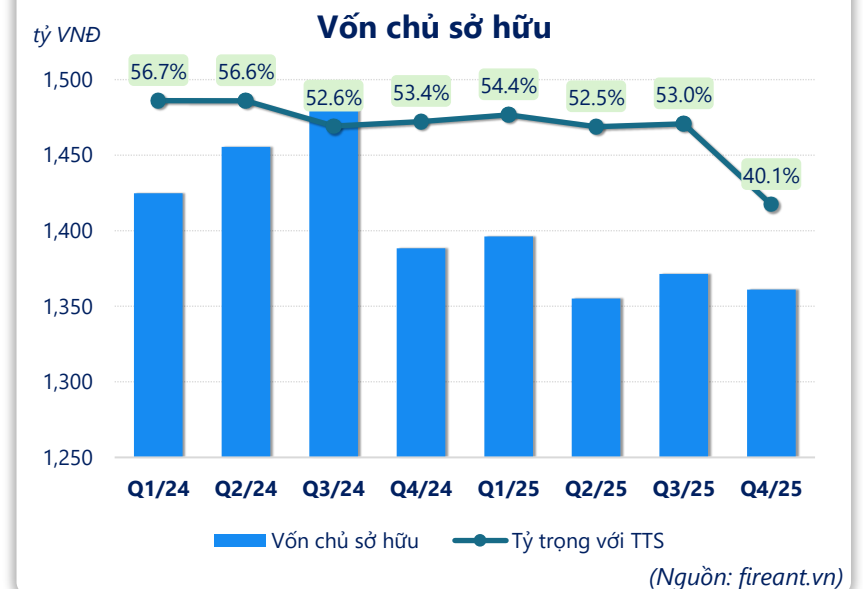
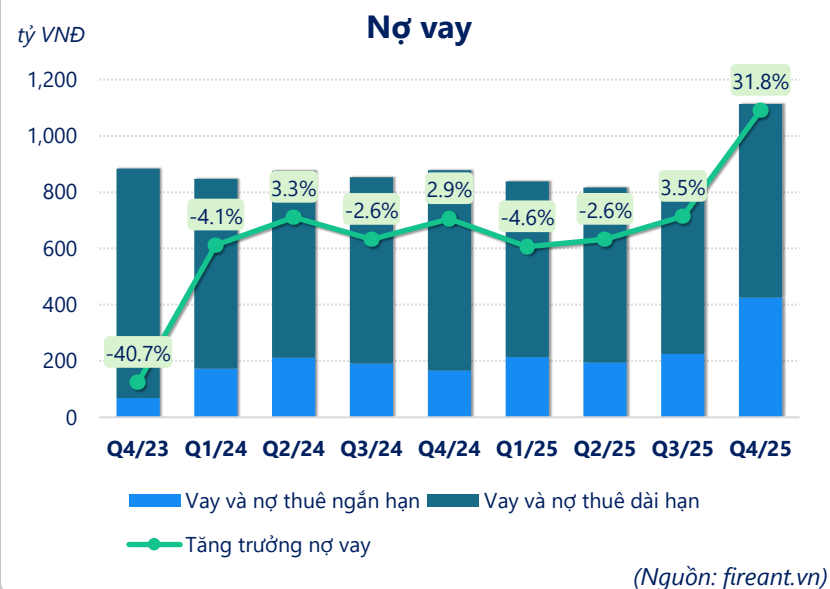
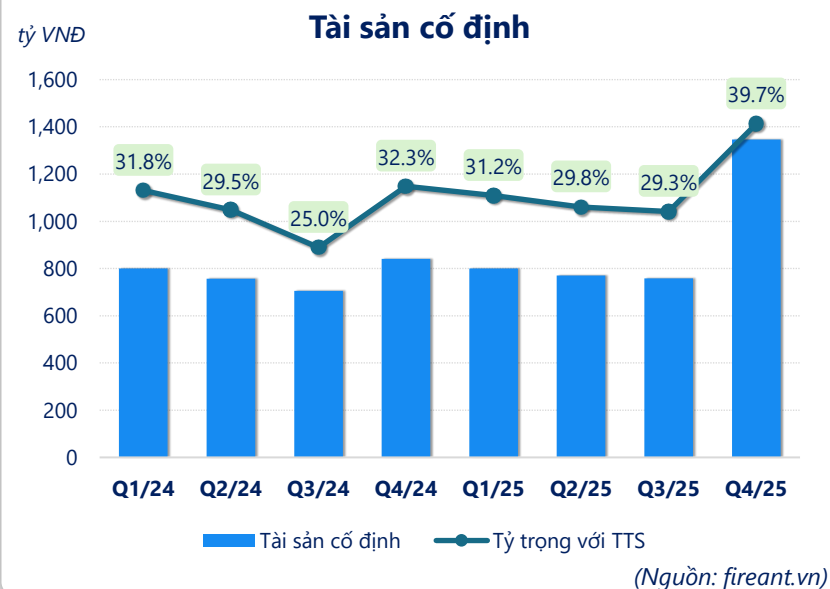
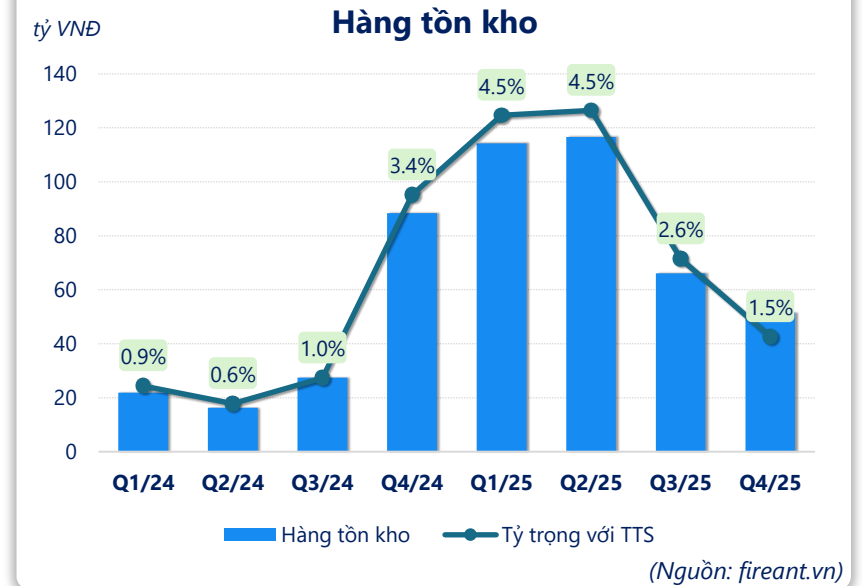
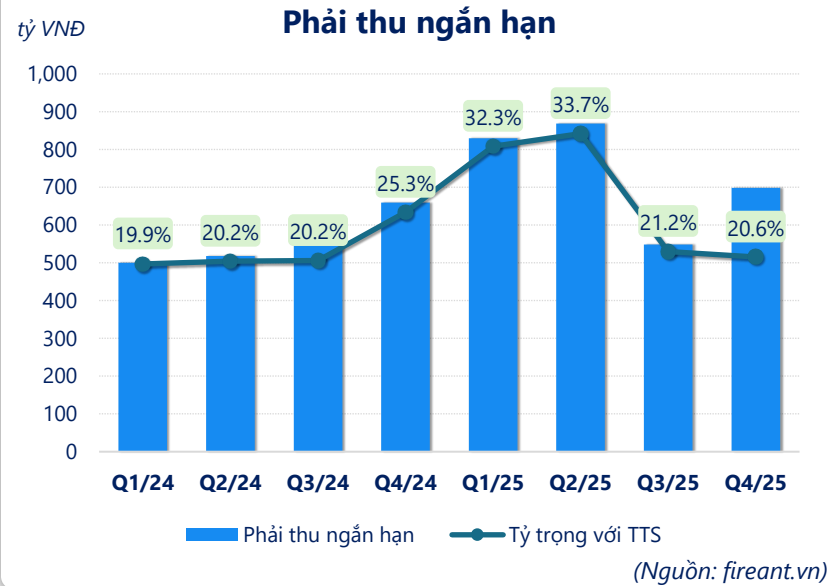
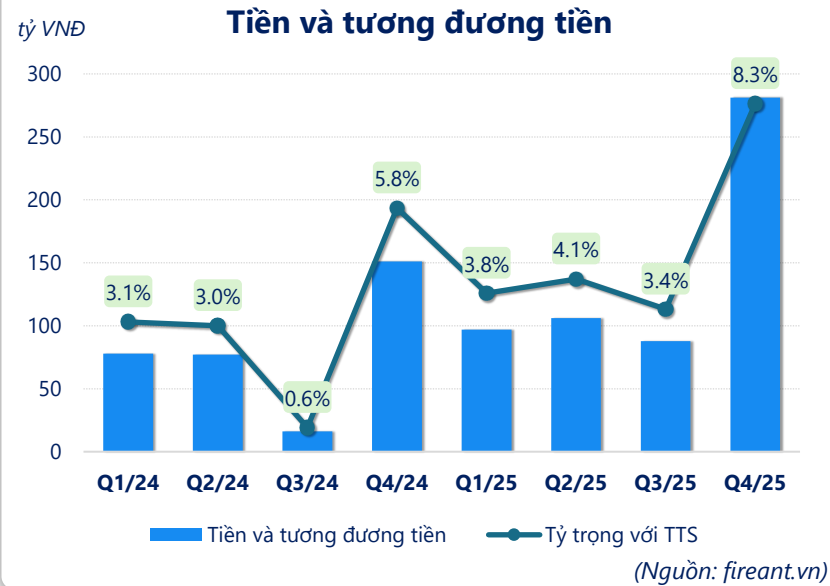
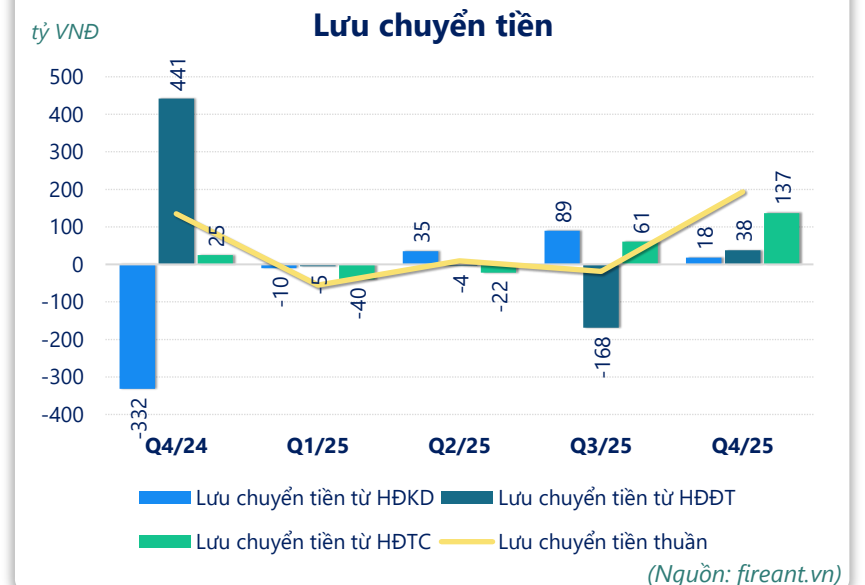
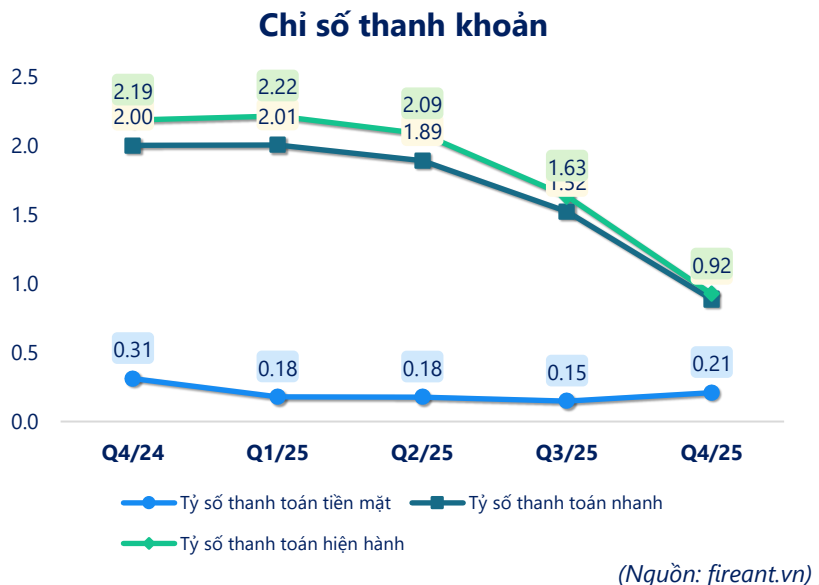
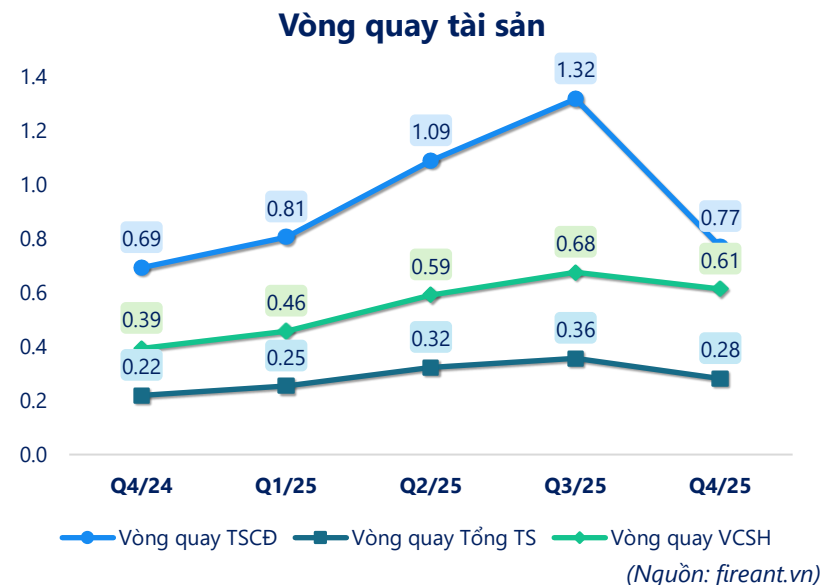
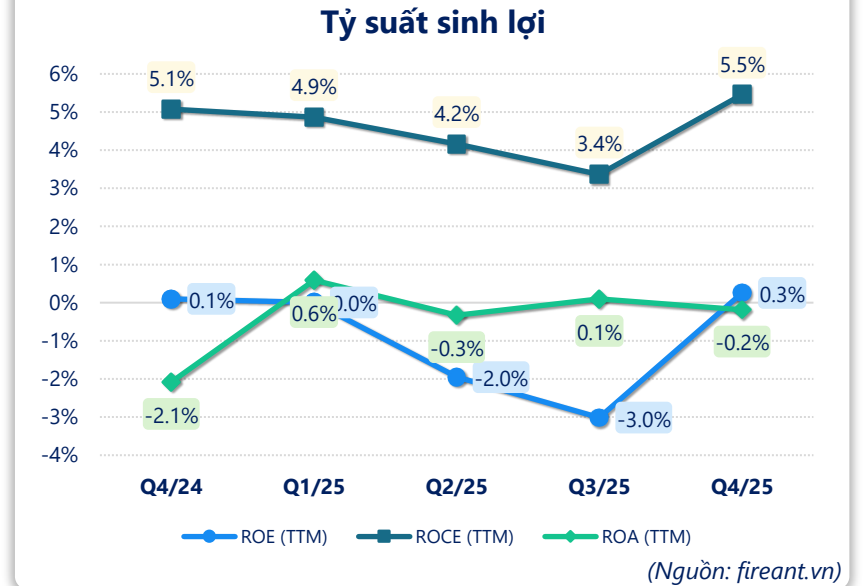
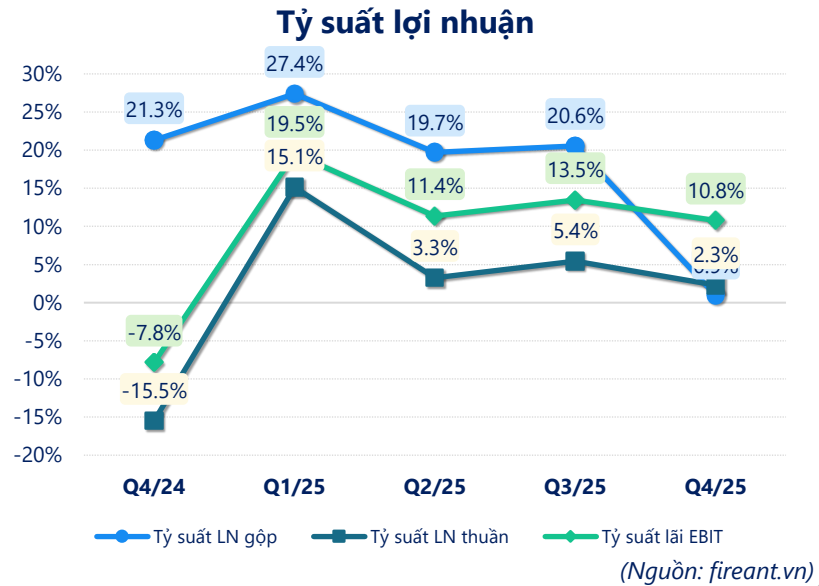
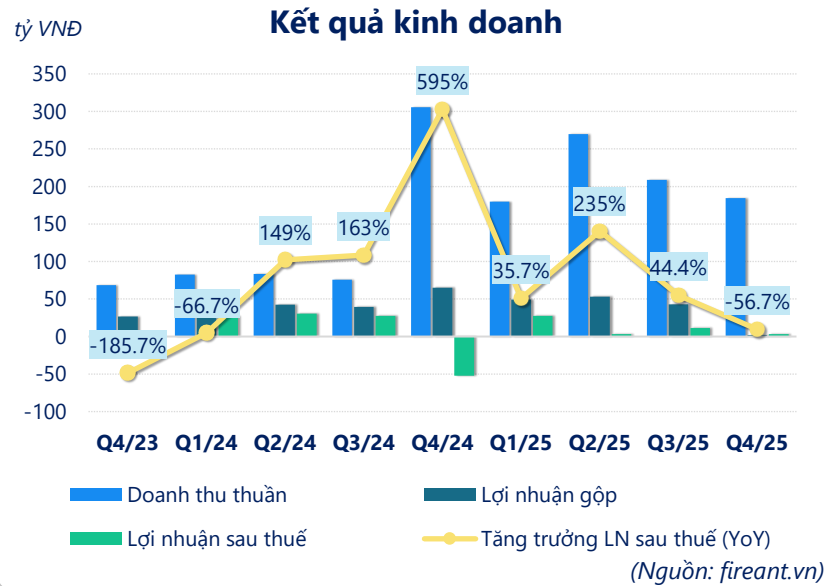


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,566
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,328
SL cổ phiếu LH		116,858,731
KLGD BQ 20 phiên (CP)		583,915
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		584
P/E		166.4
EPS		30

	YTD	1T	3T	6T
DL1	8.7%	-14.7%	-12.0%	-35.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,390	2,570	31.9%
Tài sản ngắn hạn	1,238	1,199	3.2%
Tiền và tương đương tiền	281	152	84.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	203	151	34.4%
Phải thu ngắn hạn	698	800	-12.7%
Hàng tồn kho	51.6	85.1	-39.4%
Tài sản ngắn hạn khác	3.67	10.7	-65.7%
Tài sản dài hạn	2,153	1,371	57.0%
Phải thu dài hạn	289	2.06	13884%
Tài sản cố định	1,346	815	65.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.84	48.8	-92.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	30.1	272	-88.9%
Tài sản dài hạn khác	130	86.7	50.0%
Lợi thế thương mại	353	146	142%
Nợ phải trả	2,029	1,199	69.3%
Nợ ngắn hạn	1,339	570	135%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	426	252	69.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	689	114	506%
Nợ dài hạn	690	629	9.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	688	626	9.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,361	1,371	-0.7%
Vốn chủ sở hữu	1,361	1,371	-0.7%
Vốn điều lệ	1,169	1,062	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	306	180	270	209	184
Giá vốn hàng bán	241	130	217	166	183
Lợi nhuận gộp	65.2	49.2	53.1	43.0	1.75
Doanh thu HĐTC	15.9	7.34	1.85	7.01	39.3
Chi phí TC	81.2	3.83	22.2	15.9	18.5
Chi phí lãi vay	25.3	7.07	22.7	16.9	15.5
LN trong công ty LKLD	6.17	8.05	7.63	9.54	9.24
Chi phí bán hàng	4.65	3.72	2.34	8.65	-4.72
Chi phí QLDN	48.8	29.9	29.3	23.7	32.2
LN thuần từ HĐKD	-47.4	27.2	8.79	11.3	4.26
Lợi nhuận khác	-1.89	0.87	-0.88	-0.12	0.09
LN trước thuế	-49.2	28.0	7.91	11.2	4.34
Lợi nhuận sau thuế	-52.2	27.5	3.30	11.5	3.05
LNST của CĐ cty mẹ	-52.0	15.0	-8.50	2.57	-5.52

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-332	-9.75	35.1	89.4	18.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	441	-5.40	-4.11	-168	38.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	25.0	-40.1	-21.7	60.8	137
Tiền đầu kỳ	16.2	152	96.8	106	87.9
Lưu chuyển tiền thuần	135	-55.2	9.29	-18.3	193
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	151	96.8	106	87.9	281

(Nguồn: fireant.vn)